

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2019

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Lưu Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16-5-2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-5-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N – Sinh năm 2000. “Có mặt”

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q – Sinh năm 1990.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2019, bản tự khai ngày 27-3-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 16-3-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại Thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến ngày 20-6-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q chồng tôi thường xuyên đi uống rượu về muộn, không quan tâm đến tôi. Từ đó tình cảm vợ chồng tôi bị sút mẻ, tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh Q nữa. Tôi đã về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 08 tháng 01 (Ấm lịch) tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái từ đó đến nay không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung; tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07-5-2019, bị đơn anh Đỗ Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Hoàng Thị N kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 16-3-2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Nay chị N xin ly hôn, tôi đồng ý.

- Về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có bản tự khai nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Văn Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ Văn Q có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 16-3-2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm đến chị N nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái từ ngày 08 tháng 01 năm 2019 (Âm lịch) vợ chồng sống ly thân từ ngày đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Anh Đỗ Văn Q cũng xác nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Đỗ Văn Q theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản chung và công nợ chung*: Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ Văn Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/06985 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 18/3/2019.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải

